

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2025/DS-ST
Ngày 21 - 01 - 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh T

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Sơn M;

2. Ông Lương Phi H.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lý Ngọc Thúy V – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Chí Nhơn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 111/2024/TLST-DS, ngày 15 tháng 5 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 203/2024/QĐXXST-DS, ngày 11 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên Tòa số: 01/2025/QĐST-DS, ngày 06 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1955 – có mặt

Địa chỉ: ấp M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên hệ: tổ A, khu vực Bình Phó A, phường L, Quận B, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo cho nguyên đơn, theo giấy uỷ quyền số: 2529 ngày 30/7/2024:

1. Ông Trương Vương Q, sinh năm 1979 - có mặt

Địa chỉ: ấp A, xã V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang;

2. Bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1988 - có mặt

Địa chỉ: ấp I, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

- **Bị đơn:** Bà Trần Thị Thanh N, sinh năm 1965 - vắng mặt

Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, Thị xã B, tỉnh Vĩnh Long;

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1932 - vắng mặt

Địa chỉ: tổ A, ấp Đ, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

2. Quỹ tín dụng huyện B - vắng mặt

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 5 năm 2024 và các đơn khởi kiện bổ sung của ông Nguyễn Văn M có nội dung:

Thông qua người giới thiệu ông Nguyễn Văn M quen biết bà Trần Thị Thanh N, đến tháng 12 năm 2022 bà N nói đang có việc cần tiền gấp và muốn vay tiền nên ông M đã đồng ý cho bà N vay tổng số tiền 859.000.000đồng. Việc cho vay được thực hiện qua 04 lần như sau:

+ Lần 1: Ngày 23/12/2022 bà N vay 500.000.000đồng, thời gian 06 tháng (từ ngày 23/12/2022 đến ngày 23/6/2023), lãi suất tự thỏa thuận. Hai bên ký hợp đồng vay tại phòng công chứng số B tỉnh Vĩnh Long.

+ Lần 2: Ngày 02/02/2023 bà N vay 100.000.000đồng, có ký nhận chồng vào văn bản thỏa thuận cùng ngày 22/12/2022, không thỏa thuận thời gian, lãi suất tự thỏa thuận.

+ Lần 3: Ngày 19/8/2023 bà N vay 9.000.000đồng, có ký nhận chồng vào văn bản thỏa thuận ngày 22/12/2022, không nói thời gian cho vay, lãi suất tự thỏa thuận.

+ Lần 4: Ngày 22/12/2023 bà N vay 250.000.000đồng, thời gian 06 tháng (từ ngày 22/12/2023 đến ngày 22/6/2024), lãi suất tự thỏa thuận. Hai bên ký hợp đồng vay tại phòng công chứng số B tỉnh Vĩnh Long.

Sau khi vay, bà N không trả vốn, không trả lãi như thỏa thuận, vi phạm thỏa thuận, ông M yêu cầu bà N trả vốn, lãi nhưng không có kết quả.

Sau đó, đến ngày 03 tháng 5 năm 2024 ông M gửi đơn khởi kiện bà Trần Thị Thanh N yêu cầu trả lại số tiền qua 04 lần vay: 859.000.000đồng (tám trăm năm mươi chín triệu đồng) và yêu cầu tính lãi suất 20%/năm.

Sau khi Toà án thụ lý giải quyết vụ án, bà N tiếp tục yêu cầu ông M cho bà N vay thêm 02 lần số tiền 45.000.000đồng như sau:

+ Lần 5: Ngày 25/02/2024 bà N vay 20.000.000đồng có làm biên nhận, không thoả thuận lãi, thời gian.

+ Lần 6: Ngày 15/7/2024 bà N vay 25.000.000đồng có làm biên nhận, không thoả thuận lãi, thời gian.

Ông M có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu bà Trần Thị Thanh N trả tổng số tiền vốn: 904.000.000đồng (859.000.000đ + 45.000.000đ). Ngoài ra còn yêu cầu tính lãi suất 20%/năm như sau:

1/ Khoản vay 500.000.000đ tính từ ngày 23/12/2022 đến ngày 21/01/2025 bằng 02 năm 28 ngày x 500.000.000đ x 1,6%/tháng = 207.770.000đồng.

2/ Khoản vay 100.000.000đ tính từ ngày 02/02/2023 đến ngày 21/01/2025 bằng 01 năm 18 ngày x 100.000.000đ x 1,6%/tháng = 38.770.000đồng.

3/ Khoản vay 9.000.000đ tính từ ngày 19/8/2023 đến ngày 21/01/2025 bằng 18 tháng x 9.000.000đ x 1,6%/tháng = 1.080.000đồng.

4/ Khoản vay 250.000.000đ tính từ ngày 22/12/2023 đến ngày 21/01/2025 bằng 13 tháng x 250.000.000đ x 1,6%/tháng = 54.160.000đồng.

5/ Khoản vay 20.000.000đ tính từ ngày 25/02/2024 đến ngày 21/01/2025 bằng 10 tháng 26 ngày x 20.000.000đ x 1,6%/tháng = 3.330.000đồng.

6/ Khoản vay 25.000.000đ tính từ ngày 15/7/2024 đến ngày 21/01/2025 bằng 06 tháng 14 ngày x 25.000.000đ x 1,6%/tháng = 4.500.000đồng.

Tổng số tiền ông M yêu cầu bà N trả: 1.213.610.000đồng (trong đó, vốn: 904.000.000đ, lãi tạm tính đến ngày 21/01/2025 bằng: 309.610.000đ).

- Bà Trần Thị Thanh N, bà Nguyễn Thị Đ và Quý tín dụng B đã được Toà án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên toà nhưng vẫn vắng mặt, không cung cấp bản khai ý kiến, các tài liệu chứng cứ chứng có liên quan đến yêu cầu khởi kiện.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng thì Kiểm sát viên cho rằng, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật.

Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 113,

Điều 138, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 234, 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 117, Điều 119, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ Luật Dân sự năm 2015. Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009. Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn M đối với bà Trần Thị Thanh N trả số tiền vay 904.000.000đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu tính lãi của ông Nguyễn Văn M đối với bà Trần Thị Thanh N.

Buộc bà Trần Thị Thanh N trả lại số tiền lãi cho ông Nguyễn Văn M với số tiền là 101.947.600đồng.

Không chấp nhận số tiền lãi 35.710.500đồng của ông Nguyễn Văn M.

Về án phí sơ thẩm: Buộc bà Trần Thị Thanh N phải chịu án phí theo quy định. Miễn án phí cho ông Nguyễn Văn M do người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là tranh chấp hợp đồng vay và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn bà Trần Thị Thanh N, Bà Nguyễn Thị Đ, Quý tín dụng B vắng mặt không lý do, Toà án đã lập biên bản hòa giải và công khai chứng cứ không được.

[3] Tại phiên Tòa, người đại diện cho nguyên đơn yêu cầu bà Trần Thị Thanh N trả tiền vay qua 06 lần: 904.000.000đồng và xin rút lại một phần yêu cầu tính lãi suất từ 20%/1năm còn 10%/1năm tính đến ngày 21/01/2025.

[3.1] Về tài liệu chứng cứ:

- + 01 (một) Văn bản thoả thuận, ngày 22/12/2022, bản chính;
- + 01 (một) Hợp đồng vay tiền ngày 23/12/2022, bản chính;
- + 01 (một) Hợp đồng vay tiền, ngày 22/12/2023, bản chính;

+ 01 (một) Tờ cam kết, ngày 15/7/2024, bản chính;

+ 01 (một) Tờ cam kết ngày 20/7/2024, bản chính;

- Tại 02 hợp đồng vay: Ngày 23/12/2022 số tiền vay 500.000.000đồng và hợp đồng vay ngày 22/12/2023 số tiền vay 250.000.000đồng có thời hạn vay 06 tháng từ ngày 22/12/2023 đến ngày 22/6/2024, lãi suất tự thỏa thuận”.

- Tại biên nhận: Ngày 02/02/2023 số tiền vay 100.000.000đồng, không thỏa thuận thời hạn, lãi suất tự thỏa thuận. 02 Tờ cam kết, ngày 15/7/2024 và ngày 20/7/2024, không thỏa thuận thời hạn và lãi suất.

[3.2] Xét việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi 10%/năm đối với 06 lần vay nêu trên là có căn cứ chấp nhận và phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[3.3] Xét về thời gian yêu cầu tính lãi:

- Đối với hợp đồng vay 500.000.000đồng ngày 23/12/2022 và hợp đồng vay 250.000.000đồng ngày 22/12/2023 tại Phòng C tỉnh Vĩnh Long, nguyên đơn yêu cầu tính lãi kể từ ngày ký hợp đồng là không có căn cứ xem xét. Bởi, thời hạn vay 06 tháng, lúc này bị đơn chưa vi phạm nghĩa vụ trả vốn, sau thời hạn 6 tháng mới được xem là vi phạm. Buộc bị đơn chịu lãi đối với hợp đồng vay 500.000.000đồng từ ngày 24/6/2023 đến ngày xét xử ngày 21/01/2025 bằng 18 tháng 28 ngày.

- Đối với hợp đồng vay 250.000.000đồng tính lãi từ ngày 23/6/2024 đến ngày 21/01/2025 bằng 06 tháng 29 ngày.

- Đối với số tiền vay 100.000.000đồng ngày 02/02/2023 và số tiền vay 9.000.000đồng ngày 19/8/2023 không có thể hiện thời hạn vay tiền nên căn cứ phát sinh nghĩa vụ trả lãi từ khi Tòa án thụ lý vụ án ngày 15/5/2024 đến ngày xét xử 21/01/2025 là 09 tháng 09 ngày.

- Đối với số tiền vay 20.000.000đồng ngày 25/02/2024 và số tiền vay 25.000.000đồng ngày 15/7/2024 không có thể hiện thời hạn vay tiền nên căn cứ phát sinh nghĩa vụ trả lãi là từ khi Tòa án thụ lý vụ án bổ sung ngày 29/11/2024 đến ngày xét xử 21/01/2025 bằng 01 tháng 23 ngày.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M là có căn cứ chấp nhận một phần bởi các lẽ trên.

- Buộc bà Trần Thị Thanh N trả ông Nguyễn Văn M số tiền vốn theo 06 lần vay: 904.000.000đồng.

- Chấp nhận yêu cầu tính lãi suất 10%/năm cụ thể như sau:

+ Số tiền 500.000.000đ tính lãi từ ngày 24/6/2023 đến 21/01/2025 bằng

18 tháng 28 ngày: $500.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 18 \text{ tháng } 28 \text{ ngày} = 78.480.000đ$ ồng.

+ Số tiền 250.000.000đ tính lãi từ ngày 23/6/2024 đến 21/01/2025 bằng 06 tháng 29 ngày: $250.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 06 \text{ tháng } 29 \text{ ngày} = 14.407.500đ$ ồng.

+ Số tiền 100.000.000đ và 9.000.000đ tính lãi từ ngày 15/5/2024 đến ngày 21/01/2025 bằng 09 tháng 09 ngày: $109.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 09 \text{ tháng } 09 \text{ ngày} = 8.407.170đ$ ồng.

+ Số tiền 20.000.000đ và 25.000.000đ tính lãi từ ngày 29/11/2024 đến ngày 21/01/2025 bằng 01 tháng 23 ngày: $45.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 01 \text{ tháng } 23 \text{ ngày} = 652.950đ$ ồng.

Buộc bà Trần Thị Thanh N trả tiền lãi cho ông Nguyễn Văn M tính đến ngày 21/01/2025 bằng 101.947.600đồng.

Tổng số tiền vốn, lãi bà Trần Thị Thanh N phải trả cho ông Nguyễn Văn M là 1.005.947.600đồng (một tỷ, không trăm lẻ năm triệu, chín trăm bốn mươi bảy ngàn sáu trăm đồng).

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Trần Thị Thanh N chịu án phí dân sự 300.000đồng không có giá ngạch và số tiền có giá ngạch 42.178.000đồng.

- Ông Nguyễn Văn M không phải chịu án phí do ông là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 113; Điều 138 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 234; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các Điều 117; Điều 119; Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ Luật Dân sự năm 2015. Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009. Điều 12 và Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M đối với bà Trần Thị Thanh N.

Buộc bà Trần Thị Thanh N có nghĩa vụ trả ông Nguyễn Văn M tổng số tiền vốn, lãi tính đến ngày 21/01/2025 là: 1.005.947.600đồng (một tỷ, không trăm lẻ năm triệu, chín trăm bốn mươi bảy ngàn sáu trăm đồng).

Trong đó, tiền vốn: 904.000.000đồng, tiền lãi tính đến ngày 21/01/2025 là: 101.947.600đồng (một trăm lẻ một triệu, chín trăm bốn mươi bảy ngàn sáu trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi suất chậm thi hành án, tương ứng với thời gian chưa hành án theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Trần Thị Thanh N nộp tiền án phí là: 42.478.000đồng.
- Ông Nguyễn Văn M không phải chịu án phí do ông là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo:

Án xử công khai các đương sự có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- VKSND TXBM;
- Chi cục THADS TXBM;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Minh T